

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố đường ranh giới ngoài của vùng biển
03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của đất liền**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của đất liền được thể hiện trên nền bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:50.000, bao gồm 150 mảnh bản đồ có Danh mục tại Phụ lục kèm theo; tọa độ chi tiết của đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của đất liền được thể hiện trên bản đồ số và lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ đường ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 03 hải lý ban hành tại Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành và công bố danh mục các điểm có giá trị đặc trưng

mực nước triều vùng ven biển và 10 đảo, cụm đảo lớn của Việt Nam; Bản đồ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm và đường ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 03 hải lý vùng ven biển Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg CP Lê Văn Thành (để báo cáo);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương có biển;
- Sở TN&MT các tỉnh, TP trực thuộc trung ương có biển;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, TCBHĐVN, PC.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Minh Ngân

Phụ lục
DANH MỤC 150 MẢNH BẢN ĐỒ
THỂ HIỆN ĐƯỜNG RANH GIỚI NGOÀI CỦA VÙNG BIỂN 03 HẢI LÝ,
VÙNG BIỂN 06 HẢI LÝ CỦA ĐẤT LIỀN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

STT	Phiên hiệu bản đồ	STT	Phiên hiệu bản đồ	STT	Phiên hiệu bản đồ
1	C-48-36-C	29	C-48-68-B	57	C-49-25-C
2	C-48-36-D	30	C-48-68-C	58	C-49-26-A
3	C-48-41-B	31	C-48-68-D	59	C-49-3-A
4	C-48-41-D	32	C-48-69-A	60	C-49-3-B
5	C-48-42-A	33	C-48-69-B	61	C-49-3-C
6	C-48-42-C	34	C-48-69-C	62	C-49-3-D
7	C-48-42-D	35	C-48-70-A	63	D-49-1-B
8	C-48-43-C	36	C-48-78-A	64	D-49-1-D
9	C-48-46-B	37	C-48-78-B	65	D-49-14-A
10	C-48-46-C	38	C-48-78-C	66	D-49-14-B
11	C-48-46-D	39	C-48-78-D	67	D-49-14-D
12	C-48-47-A	40	C-48-79-A	68	D-49-15-A
13	C-48-47-B	41	C-48-79-B	69	D-49-15-C
14	C-48-47-C	42	C-48-79-C	70	D-49-2-A
15	C-48-48-A	43	C-48-79-D	71	D-49-2-C
16	C-48-54-B	44	C-48-80-A	72	D-49-2-D
17	C-48-54-C	45	C-48-90-A	73	D-49-26-B
18	C-48-54-D	46	C-48-90-B	74	D-49-27-A
19	C-48-55-A	47	C-48-91-A	75	D-49-27-C
20	C-48-57-D	48	C-49-13-D	76	D-49-39-A
21	C-48-58-A	49	C-49-14-A	77	D-49-39-B
22	C-48-58-B	50	C-49-14-B	78	D-49-39-C
23	C-48-58-C	51	C-49-14-C	79	D-49-39-D
24	C-48-66-A	52	C-49-14-D	80	D-49-51-A
25	C-48-66-B	53	C-49-15-A	81	D-49-51-B
26	C-48-66-C	54	C-49-15-C	82	D-49-51-C
27	C-48-66-D	55	C-49-25-A	83	D-49-51-D
28	C-48-67-D	56	C-49-25-B	84	D-49-63-A

STT	Phiên hiệu bản đồ	STT	Phiên hiệu bản đồ	STT	Phiên hiệu bản đồ
85	D-49-63-B	107	E-48-45-B	129	E-48-9-B
86	D-49-63-D	108	E-48-45-C	130	E-48-9-C
87	D-49-64-C	109	E-48-45-D	131	E-48-96-B
88	D-49-75-B	110	E-48-46-C	132	E-49-85-A
89	D-49-75-C	111	E-48-57-B	133	E-49-85-B
90	D-49-75-D	112	E-48-57-D	134	E-49-85-C
91	D-49-76-A	113	E-48-58-A	135	E-49-85-D
92	D-49-76-C	114	E-48-58-C	136	F-48-71-D
93	D-49-87-A	115	E-48-70-A	137	F-48-72-A
94	D-49-87-B	116	E-48-70-B	138	F-48-72-B
95	D-49-87-C	117	E-48-70-D	139	F-48-72-C
96	D-49-87-D	118	E-48-71-A	140	F-48-82-B
97	D-49-88-A	119	E-48-71-C	141	F-48-82-C
98	E-48-20-B	120	E-48-8-B	142	F-48-82-D (*)
99	E-48-20-C	121	E-48-8-D	143	F-48-83-A (*)
100	E-48-20-D	122	E-48-83-A	144	F-48-83-B
101	E-48-32-A	123	E-48-83-B	145	F-48-84-A
102	E-48-32-B	124	E-48-83-D	146	F-48-93-C
103	E-48-32-D	125	E-48-84-A	147	F-48-93-D
104	E-48-33-C	126	E-48-84-C	148	F-48-94-A
105	E-48-44-B	127	E-48-84-D	149	F-48-94-C
106	E-48-45-A	128	E-48-9-A	150	F-49-61-A

Ghi chú: Bản đồ thể hiện đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, 06 hải lý của đất liền được lưu tại đĩa CD gửi kèm.

(*) Các mảnh bản đồ có phiên hiệu F-48-82-D và F-48-83-A vừa thuộc đất liền, vừa thuộc ven biển đảo Cát Bà, do đó chỉ công bố đường ranh giới ngoài vùng biển 03 hải lý; đường ranh giới ngoài của vùng biển 06 hải lý của đất liền sẽ được công bố cùng với thời điểm công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 và 06 hải lý của đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo.